

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
Bảng chi tiết thay đổi Quy chế nội bộ Ban Kiểm soát năm 2022

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1	Căn cứ pháp lý	<p>CĂN CỨ PHÁP LÝ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chỉnh sửa lần thứ 15 theo Nghị quyết số 02/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021; - Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; - Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh bao gồm các nội dung sau: 	<p>CĂN CỨ PHÁP LÝ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11/01/2022; - Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”); - Ban Kiểm soát ban hành Quy chế Hoạt động Ban Kiểm soát của Công ty (sau đây gọi là “Quy chế này”), bao gồm các nội dung sau: 	Viết lại ngắn gọn và cập nhật các căn cứ pháp lý hiện hành
2	Khoản 1 Điều 1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ Quản trị Công ty. Các thuật ngữ viết hoa trong Quy chế này có nghĩa được quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung dẫn chiếu để không cần quy định thêm điều khoản giải thích thuật ngữ
3	Bỏ Khoản 5 Điều 4	<p>Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p> <p>5. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		Loại bỏ vì đã được quy định tại khoản 2 Điều 6 Dự thảo Quy chế này

4	Khoản 1 Điều 5	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Viết lại theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
5	Khoản 2 Điều 5	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Không phải là Người có quan hệ gia đình của Người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.</p>	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>3. Không phải là Người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.</p>	Viết lại theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
6	Khoản 3 Điều 5	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.</p>	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>4. Không phải là Người quản lý của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p>	Viết lại theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
7	Bỏ khoản 4 Điều 5	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.</p>		Nội dung đã được quy định tại khoản 1 Điều 6 Dự thảo Quy chế này
8	Khoản 6, 7 Điều 5	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.</p> <p>7. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>5. Không được đang làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.</p> <p>6. Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	Viết lại theo Điều 45 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
9	Khoản 1 Điều 6	<p>Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng</p>	Viết lại theo khoản 1 Điều 48 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

			thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.	
10	Khoản 3 Điều 6	Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.	Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty.	Bổ sung dẫn chiếu cho phù hợp
11	Điểm a, b Khoản 1 Điều 7	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định như sau: a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như sau: a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát; b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;	Sửa đổi tỉ lệ để đảm bảo thống nhất với Điều 41 Dự thảo Điều lệ
12	Điểm b Khoản 2 Điều 7	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát.	Viết lại theo điểm b khoản 3 Điều 16 Dự thảo Điều lệ
13	Khoản 3 Điều 7	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Ban Kiểm soát	Sửa đổi dẫn chiếu cho phù hợp

		Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
14	Khoản 1, 3 Điều 8	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 30 của Điều lệ Công ty, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chỉ bầu một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một (01) hoặc một số ứng cử viên. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu tối đa Kiểm soát viên mà Công ty yêu cầu trên tổng số ứng cử viên Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Tuy nhiên, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu tối đa Kiểm soát viên mà Công ty yêu cầu trên tổng số ứng cử viên Ban Kiểm soát.</p>	Viết lại theo khoản 4 Điều 41 Dự thảo Điều lệ và khoản 2 Điều 47 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
15	Khoản 6 Điều 8	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>6. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành lựa chọn theo tiêu chí được Đại hội thông qua hoặc sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>5. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông ấn định trước đó hoặc sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau .</p>	Viết lại theo khoản 4 Điều 47 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
16	Điểm c khoản 2 Điều 9	<p>Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p>	<p>Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế này;</p>	Bổ sung dẫn chiếu cho phù hợp

17	Bỏ khoản 3 Điều 9	<p>Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.</p>		Loại bỏ theo Mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và theo Điều 42 Dự thảo Điều lệ và Điều 49 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
18	Điểm d khoản 1 Điều 10	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác;</p>	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <p>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của Công ty khác);</p>	Viết lại theo khoản 2 Điều 41 Dự thảo Điều lệ và khoản 2 Điều 46 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
19	Bỏ điểm f khoản 1 Điều 10	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p>		Loại bỏ theo khoản 2 Điều 41 Dự thảo Điều lệ và khoản 2 Điều 46 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
20	Khoản 3 Điều 10	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Thông báo về bầu thành viên Ban kiểm soát, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhận được đơn xin từ chức có nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty của Kiểm soát viên phải công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày có thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhận được đơn xin từ chức của Kiểm soát viên.</p> <p>3. Khi công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty phải đồng thời gửi cho các cơ quan chức năng Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới.</p>	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Ban Kiểm phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	Viết lại theo Mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

21	Điểm a khoản 1 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>1. Quyền của Ban kiểm soát:</p> <p>a) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>10. Sử dụng tư vấn độc lập bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao</p>	Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
22	Điểm b khoản 1 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>1. Quyền của Ban kiểm soát:</p> <p>b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông;</p>	Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
23	Bỏ điểm c khoản 1 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>1. Quyền của Ban kiểm soát:</p> <p>c) Được cung cấp đầy đủ thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình; - Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về 		Nội dung đã được quy định cụ thể tại Điều 12 Dự thảo Quy chế này

		<p>công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p>		
24	Bỏ điểm d khoản 1 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>1. Quyền của Ban kiểm soát:</p> <p>d) Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên; - Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; - Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 		Nội dung đã được quy định cụ thể tại Điều 17 Dự thảo Quy chế này
25	Bỏ khoản 2 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p>		Loại bỏ theo Mẫu Quy chế hoạt động của Ban

		<p>2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;</p> <p>b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;</p> <p>c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Các nghĩa vụ khác theo pháp luật hiện hành.</p>		<p>Kiểm soát và Điều 44 Dự thảo Điều lệ; Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>
26	Điểm a khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;</p> <p>17. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p>	<p>Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>
27	Điểm c khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên; rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.</p>	<p>Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>
28	Điểm d khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p>	<p>Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy</p>

		<p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>d) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>16. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>
29	Bỏ điểm e,f,g,h,i,j khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>e) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>f) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>g) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>h) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc;</p> <p>i) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>j) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc;</p>		<p>Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>
30	Điểm m khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>m) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty;</p>	<p>Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>

		đồng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Điều lệ Công ty;		
31	Điểm n khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>n) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>6. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p>	Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
32	Điểm o, p khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>o) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả;</p> <p>p) Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;</p>	Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

33	Điểm q khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>q) Xây dựng quy trình kiểm soát, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình đề Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua;</p>	Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
34	Điểm r,s khoản 3 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>3. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>r) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>s) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>24. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế này</p>	Viết lại theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ và Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
35	Bổ sung Khoản 8, 9, 12, 13, 14, 15, 18, 19, 22, 23 Điều 11 Dự thảo		<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định trách nhiệm người quản lý doanh nghiệp theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của Cổ đông.</p> <p>13. Yêu cầu Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định của Pháp luật</p>	Bổ sung theo Mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và theo Điều 44 Dự thảo Điều lệ; Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

			<p>18. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ Pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác.</p> <p>19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.</p> <p>22. Chứng kiến Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>23. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	
36	Bỏ khoản 4, 5 Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.</p> <p>5. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Kiểm soát viên phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>		Bỏ theo cấu trúc Mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và nội dung này đã được quy định tại Điều 3 Dự thảo Quy chế này
37	Điểm c Khoản 1 Điều 12	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p> <p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:</p>	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:</p>	Viết lại theo cơ cấu công ty

		c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.	c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.	
38	Khoản 3 Điều 12	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p> <p>3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	Viết lại theo cơ cấu công ty
39	Điểm a,b khoản 1 Điều 13	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (5%) số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; (theo khoản 3 Điều 26 Điều lệ)</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;</p> <p>b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (5%) số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	Viết lại theo Điều 6 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
40	Khoản 2 Điều 14	Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	Viết lại theo cơ cấu Công ty

		2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
41	Khoản 1 Điều 16	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây: 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây: 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.	Viết lại theo cơ cấu Công ty
42	Khoản 5 Điều 16	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Viết lại theo điểm d khoản 23 Điều 43 Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
43	Khoản 6, 7 Điều 16	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác. 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác. 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.	Viết lại theo cơ cấu Công ty
44	Bổ sung khoản 5 Điều 17 Dự thảo		Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 5. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng Quản trị quyết định theo Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty. Việc mua các loại	Bổ sung theo khoản 5 Điều 46 Dự thảo Điều lệ và khoản 5 Điều 51 Dự thảo Quy chế Nội bộ về Quản trị

			bảo hiểm khác cho thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.	
45	Bỏ khoản 1 Điều 18	Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.		Loại bỏ theo Mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
46	Khoản 4 Điều 18	Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Viết lại theo khoản 2 Điều 47 Dự thảo Điều lệ
47	Điều 20	Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.	Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và ban điều hành Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.	Viết lại theo cơ cấu Công ty